TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 289/2023/DS-PT
Ngày 17/8/2023
V/v Đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Những.

Các Thẩm phán: Bà Đinh Thị Ngọc Yến.

Ông Trần Trọng Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Lan - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Phát - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 19 tháng 7, ngày 10 và ngày 17 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 145/2023/TLPT-DS ngày 05 tháng 6 năm 2023 về việc "Đòi tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2023/DS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 181/2023/QĐ-PT ngày 19 tháng 6 năm 2023 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị N, sinh năm 1961; Địa chỉ: Ấp Đ, xã B, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Võ Thị Q, sinh năm 1967; Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An (văn bản ủy quyền ngày 28/11/2022).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1968; Địa chỉ: Số C, ấp Đ, xã B, huyện T, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Thân Trung Đ- Công ty L L.A thuộc Đoàn Luật sư tỉnh L.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị M.

(Bà Q và Luật sư Đ có mặt, bà M xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/11/2022 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Phạm Thị N *do bà* Võ Thị Q *đại diện trình bày:*

Ngày 18/6/1996 bà N có cho bà Nguyễn Thị M mượn 10 chỉ vàng 24K. Bà N nhiều lần yêu cầu bà M hoàn trả số vàng này nhưng bà M không trả. Năm 2021 bà N có khởi kiện bà M tại Tòa án để yêu cầu bà M trả số vàng trên nhưng sau đó bà N rút yêu cầu khởi kiện để các bên tự thỏa thuận. Nay bà N yêu cầu bà Nguyễn Thị M trả 10 chỉ vàng 24K.

Bị đơn bà Nguyễn Thị M *vắng mặt trong quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm.*

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2023/DS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An đã áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị N tranh chấp đòi tài sản với bà Nguyễn Thị M.

Buộc bà Nguyễn Thị M phải trả cho bà Phạm Thị N số vàng 10 (mười) chỉ vàng 24kara bằng hiện vật hoặc bằng tiền tương đương tại thời điểm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị M phải chịu số tiền 2.775.000đ (Hai triệu, bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền, thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ của các đương sự trong giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật. Ngày 04 tháng 5 năm 2023, bị đơn bà Nguyễn Thị M kháng cáo đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu của bà N.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Luật sư Thân Trung Đ trình bày: Do vụ án có nhiều tình tiết phức tạp và mâu thuẩn nhau như việc bà N làm đơn khởi kiện theo giấy mượn vàng ngày 18/9/1997 nhưng cấp sơ thẩm cho rằng đó là số nợ mượn ngày 18/6/1996. Nếu theo giấy nợ ngày 18/9/1997 theo đơn kiện thì vụ án này có liên quan đến bà Nguyễn Thị T là mẹ của bà M hiện đã chết, nhưng chưa cung cấp được giấy chứng tử và cấp sơ thẩm chưa đưa những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà T vào tham gia tố tụng, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N hoặc hủy án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử phúc thẩm vụ việc. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị N khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị M phải có nghĩa vụ trả lại 10 chỉ vàng 24K đã mượn vào ngày 18/9/1997 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào giấy ghi nợ số vàng 10 chỉ vàng 24K ngày 18/6/1996 do bà N cung cấp để giải quyết chấp nhận yêu cầu của bà N là chưa phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, đương sự có cung cấp được giấy nợ 10 chỉ vàng 24K khác ghi ngày 18/9/1997 nhưng theo nội dung giấy mượn vàng trên thể hiện người cho mượn là bà Phạm Thị N, người mượn là bà Nguyễn Thị T (mẹ của bà M), còn bà M là bên đứng ra để mượn cho bà T và các bên thỏa thuận nếu mẹ tôi (tức là bà T) không trả tôi (tức bà M) sẽ chịu hoàn toàn trước pháp luật, điều này hoàn toàn phù hợp với lời trình bày của bà Q đã thừa nhận trong biên bản hòa giải ngày 30/11/2021, ngày 15/6/2022 trong vụ án thụ lý số 94/2020/TLST-DS ngày 13/7/2020 là bà M chỉ đứng ra vay giùm cho bà T; do đó chứng tỏ rằng khoản vay trên bà T là người mượn tiền, còn bà M là người đứng ra bảo lãnh khoản nợ của bà T. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án thì Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ vấn đề này, dẫn đến không đưa những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà T tham gia tố tụng trong vụ án là thiếu sót, vi phạm thủ tục tố tụng.

Xét thấy, đối với khoản nợ trên thì trách nhiệm bảo lãnh của bà M đã thể hiện rõ trong nội dung giấy ghi nợ ngày 18/9/1997 rằng nếu bà T không trả được nợ thì sẽ làm phát sinh trách nhiệm trả nợ của bà M. Tuy nhiên, việc bà T đã trả cho bà N được bao nhiêu, trả đủ số vàng trên hay chưa? thì Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ được vấn đề này; đồng thời những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà T do chưa được Tòa án cấp sơ thẩm đưa vào tham gia tố tụng trong vụ án nên không thể thực hiện được quyền chứng minh của mình; điều này còn ảnh hưởng rất lớn đến việc xác định số vàng mà bà T còn nợ chưa trả, từ đó có cơ sở vững chắc để buộc bà M phải có nghĩa vụ liên đới trả đối với số nợ còn lại. Mặt khác, theo như lời trình bày của bà Q đại diện cho bà N tại phiên tòa phúc thẩm khai nhận còn có nhiều điểm mâu thuẫn liên quan đến giấy nợ ngày 18/6/1996 và giấy mượn ngày 18/9/1997; việc bà Q xác nhận 02 giấy nợ trên là cùng một khoản nợ nhưng các khoản tiền, vàng đã được trả tiếp theo sau ngày ghi nợ 18/6/1996 là trả cho khoản nợ nào và 41 giạ lúa tài nguyên trong giấy nợ này đã trả rồi được gạch bỏ nhưng trong giấy mượn ngày 18/9/1997 vẫn được tiếp tục ghi nhận lại thì bà Q cũng không lý giải được và bà cũng không rõ về vấn đề này.

Do vụ án có vi phạm về thủ tục tố tụng và nội dung của vụ án còn nhiều vấn đề chưa được Tòa án cấp sơ thẩm thu thập làm rõ, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự nên cần thiết hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Từ những phân tích trên, căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo:

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04 tháng 5 năm 2023, bà Nguyễn Thị M kháng cáo đúng theo trình tự, thủ tục quy định tại các Điều 70, Điều 271, Điều 272, Điều 273, Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét, xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bà Nguyễn Thị M có đơn xin được xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị M kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm. Căn cứ phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nội dung vụ án có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về nội dung giải quyết yêu cầu kháng cáo, Hội đồng xét xử nhận định:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vàng còn nợ là 10 chỉ vàng 24K. Nguyên đơn có cung cấp giấy nợ ngày 18/6/1996 có nội dung: "Tôi Nguyễn Thị M có mượn 10 chỉ vàng 24K ngày 18/6/96âl" có chữ ký của bà M. Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành tống đạt cho bà M thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Trong các văn bản này Tòa án đã nêu rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn đã nộp nhưng bà M không có ý kiến phản đối gì. Do đó, cấp sơ thẩm xác định đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *"Một bên thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, ... mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*. Vì vậy, có căn cứ xác định hiện bà M còn nợ số vàng của bà N.

Sau khi xét xử sơ thẩm bà M kháng cáo và tiếp tục xin vắng mặt. Tại phiên tòa có Luật sư Thân Trung Đ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà M cũng thừa nhận giấy mượn vàng ngày 18/9/1997 là do bà M ký tên, còn tờ giấy tập học sinh có ghi nội dung: " Tôi Nguyễn Thị M có mượn 10 chỉ vàng 24k ngày

18/6/96âl…” bà M cũng ký tên người mượn và tại phiên tòa Luật sư Đ cũng thừa nhận chữ ký của bà M, nhưng tờ giấy này không ghi ngày tháng. Thấy rằng, đây chỉ là tờ giấy xác nhận nợ của bà M đối với chủ nợ là bà N về những khoản nợ nào đã trả rồi thì gạch ngang bằng bút bis màu xanh, còn khoản nợ nào chưa trả thì không gạch như khoảng nợ 10 chỉ vàng nêu trên. Tuy nhiên, tại đơn khởi kiện của bà N ghi số vàng trên bà M nợ theo giấy nợ ngày 18/9/1997 bà Q cho rằng do ghi nhầm và khẳng định việc khởi kiện theo xác nhận nợ ngày 18/6/1996. Mặc dù đơn khởi kiện của bà N cũng như nhận định của án sơ thẩm không thống nhất về ngày mượn vàng của bà M, theo giấy nợ ngày 18/9/1997 và giấy xác nhận mượn vàng vào ngày 18/6/1996 thì các giấy tờ nêu trên cũng chỉ được xác định là chứng cứ, còn người bị kiện cũng là bà M và đối tượng để khởi khởi cũng là 10 chỉ vàng 24k bà M đều ký tên mượn, bà Q xác định 02 giấy nợ trên cùng chung một số nợ là 10 chỉ vàng 24k chứ không phải hai khoản nợ riêng. Mặc khác xác định nội dung giấy mượn vàng ngày 18/9/1997 thì bà T là mẹ của bà M cũng không phải là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vì bà M là người ký giấy nợ và mượn vàng để về đưa cho mẹ bà nuôi vịt thì bà M phải chịu trách nhiệm nếu như có tranh chấp về giấy nợ này. Do đó cấp sơ thẩm căn cứ vào việc xác nhận nợ của bà M là ngày 18/6/1996 bà M có mượn của bà N 10 chỉ vàng 24k, nhưng không có căn cứ để cho rằng bà M đã trả rồi và bà N khởi kiện yêu cầu trả là có căn cứ, đúng pháp luật.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà M.

Lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa Hội đồng xét xử không được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bà M không được chấp nhận nên bà M phải chịu.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo và kháng nghị

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị M.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2023/DS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị N tranh chấp đòi tài sản với bà Nguyễn Thị M.

Buộc bà Nguyễn Thị M phải trả cho bà Phạm Thị N số vàng 10 (mười) chỉ vàng 24kara bằng hiện vật hoặc bằng tiền tương đương tại thời điểm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị M phải chịu số tiền 2.775.000đ (Hai triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

3. Về áp phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chuyển số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà Nguyễn Thị M đã nộp theo biên lai thu số 0003302 ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T sang án phí phải thi hành.

4. Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực thi hành ngay sau khi tuyên án.

5. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Những